

KẾ HOẠCH

Thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025; Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023 - 2025;

Thực hiện ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1649-TB/TU ngày 18/10/2024 và ý kiến kết luận của đồng chí Hồ Quốc Dũng - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh tại cuộc họp Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025.

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 231/TTr-SLĐTBXH ngày 17/12/2024, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 102/CD-TTg ngày 06/10/2024;

2. Đa dạng hoá các hình thức hỗ trợ, huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh;

3. Đề cao tinh thần tự lực, tự cường của các địa phương, sự vào cuộc của các tổ chức trong hệ thống chính trị, của doanh nghiệp và người dân;

4. Bảo đảm công khai, dân chủ, đúng đối tượng, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực, tham nhũng;

5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ, đảm bảo đúng tiến độ, mục tiêu, yêu cầu đề ra.

II. ĐỐI TƯỢNG, NHU CẦU VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Đối tượng được hỗ trợ nhà ở

- a) Hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ quy định tại khoản 1, Điều 2 Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 02/11/2024;
- b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;
- c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo tại điểm b khoản này đã thoát nghèo, thoát cận nghèo trong giai đoạn 2023 - 2025 (viết tắt là hộ mới thoát nghèo);

2. Nhu cầu hỗ trợ nhà ở

Tổng số hộ được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn tỉnh năm 2025 là **4.429 hộ** (xây mới: **2.727 hộ**; sửa chữa: **1.702 hộ**), trong đó:

- Hộ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ: **2.375 hộ** (xây mới: **1.122 hộ**; sửa chữa: **1.253 hộ**);
- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: **2.054 hộ** (xây mới: **1.605 hộ**; sửa chữa: **449 hộ**).

3. Mức hỗ trợ, nguồn vốn thực hiện

a) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ xây mới nhà ở: 60 triệu đồng/hộ gia đình.
- Hỗ trợ sửa chữa nhà ở: 30 triệu đồng/hộ gia đình.

b) Tổng kinh phí hỗ trợ: 214.680 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ đối với hộ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ: 104.910 triệu đồng;
- Kinh phí hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: 109.770 triệu đồng;

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

c) Nguồn kinh phí thực hiện:

- Ngân sách Trung ương theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ và theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Dự án 5).
- Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thị xã, thành phố (bao gồm nguồn kinh phí tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024);

- Nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo triển khai hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cho Ban Chỉ đạo và UBND tỉnh.

2. Sở Xây dựng

- Nghiên cứu, thiết kế các nhà mẫu điển hình, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, hiệu quả, phù hợp với văn hoá, tập quán của từng vùng để hộ tham khảo xây dựng nhà ở phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng hộ;

- Trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo triển khai hỗ trợ nhà ở cho hộ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch cho Ban Chỉ đạo và UBND tỉnh.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng, các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn giải quyết các nội dung có liên quan việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh

- Tuyên truyền vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch; phát huy tinh thần, ý thức tự nguyện và sự sáng tạo của các tầng lớp nhân dân; tập hợp, đoàn kết nhân dân tích cực tham gia quyên góp, ủng hộ, giúp đỡ các hộ gia đình người có công với Cách mạng, thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn (già cả neo đơn, khuyết tật không nơi nương tựa...) trong xóa nhà tạm, nhà dột nát.

- Thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm đúng đối tượng, tiến độ, yêu cầu đề ra.

6. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục nhằm phát hiện, biểu dương và nhân rộng những mô hình hay, cách làm mới, những tập thể, hộ gia đình, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện Kế hoạch.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà ở dột nát trên địa bàn để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện;
- Chỉ đạo rà soát và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả rà soát các hộ thuộc đối tượng được hỗ trợ nhà ở; thực hiện phê duyệt danh sách các hộ được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn theo quy định;
- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan về đất đai đối với các đối tượng được hỗ trợ nhà ở;
- Huy động, tổng hợp các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch, quan tâm ưu tiên đối với những hộ không có khả năng đối ứng để xây mới nhà ở, sửa chữa nhà ở;
- Tổng hợp, lập dự toán, phân bổ và quyết toán các nguồn vốn hỗ trợ theo quy định của pháp luật;
- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn vận động cộng đồng tích cực tham gia, triển khai thực hiện Kế hoạch trên tinh thần “ai có gì giúp nấy” để xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025 trên địa bàn tỉnh;
- Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của UBND các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý, chủ động xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền.

8. UBND xã, phường, thị trấn

- Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai xóa nhà tạm, nhà ở dột nát trên địa bàn để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện;
- Rà soát, niêm yết công khai danh sách và mức hỗ trợ nhà ở đối với hộ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn;
- Tổng hợp, trình UBND các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt danh sách các hộ được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn;
- Triển khai thực hiện xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các đối tượng được hỗ trợ theo quy định; huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để hỗ trợ thêm đối với những hộ gia đình không có khả năng đối ứng; phân công các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở phối hợp với các hộ gia đình tổ chức xây dựng, sửa chữa nhà ở;
- Thực hiện kiểm tra và giám sát kết quả thực hiện và tổ chức nghiệm thu theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các TV BCĐ xóa nhà tạm, nhà dột nát;
- Các Sở: LĐTĐ, TC, TNMT, XD;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Đài PTTH Bình Định; Báo Bình Định;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo, CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K14, K20.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ ĐỘT NÁT NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên đơn vị hành chính	Kinh phí hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ						Kinh phí hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo						Kinh phí hỗ trợ nhà ở thuộc dự án 5 CTMTQG về giảm nghèo						Tổng cộng					
		Số hộ			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)			Số hộ			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)			Số hộ			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)			Số hộ			Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
			Xây dựng mới	Sửa chữa		Xây dựng mới	Sửa chữa		Xây dựng mới	Sửa chữa		Xây dựng mới	Sửa chữa		Xây dựng mới	Sửa chữa		Xây dựng mới	Sửa chữa		Xây dựng mới	Sửa chữa			
1	QUY NHON	3	2	1	150	120	30	2	2	0	120	120	0							5	4	1	270	240	30
2	TUY PHƯỚC	71	27	44	2.940	1.620	1.320	22	12	10	1.020	720	300							93	39	54	3.960	2.340	1.620
3	AN NHON	36	19	17	1.650	1.140	510	35	15	20	1.500	900	600							71	34	37	3.150	2.040	1.110
4	PHÙ CÁT	253	86	167	10.170	5.160	5.010	97	52	45	4.470	3.120	1.350							350	138	212	14.640	8.280	6.360
5	PHÙ MỸ	566	230	336	23.880	13.800	10.080	158	110	48	8.040	6.600	1.440							724	340	384	31.920	20.400	11.520
6	HOÀI NHON	890	418	472	39.240	25.080	14.160	0	0	0	0	0	0							890	418	472	39.240	25.080	14.160
7	HOÀI AN	221	140	81	10.830	8.400	2.430	312	292	20	18.120	17.520	600							533	432	101	28.950	25.920	3.030
8	TÂY SƠN	111	64	47	5.250	3.840	1.410	154	113	41	8.010	6.780	1.230							265	177	88	13.260	10.620	2.640
9	VÂN CANH	18	5	13	690	300	390	405	301	104	21.180	18.060	3.120							423	306	117	21.870	18.360	3.510
10	VĨNH THẠNH	50	37	13	2.610	2.220	390	276	227	49	15.090	13.620	1.470							326	264	62	17.700	15.840	1.860
11	AN LÃO	156	94	62	7.500	5.640	1.860	483	413	70	26.880	24.780	2.100	110	68	42	5.340	4.080	1.260	749	575	174	39.720	34.500	5.220
TỔNG CỘNG		2.375	1.122	1.253	104.910	67.320	37.590	1.944	1.537	407	104.430	92.220	12.210	110	68	42	5.340	4.080	1.260	4.429	2.727	1.702	214.680	163.620	51.060